

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Về việc báo giá quần áo công tác năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị, nhà cung cấp.

Trước hết, Bệnh viện Quân y 103 xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp, hợp tác của các đơn vị, nhà cung cấp với Bệnh viện trong suốt thời gian qua.

Hiện nay, Bệnh viện Quân y 103 có nhu cầu mua sắm quần áo công tác năm 2026 cho cán bộ, nhân viên thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.

Để có cơ sở lập dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bệnh viện Quân y 103 kính mời các đơn vị, nhà cung cấp có đủ khả năng cung cấp mua sắm quần áo công tác năm 2026 gửi báo giá về Bệnh viện Quân y 103 theo các thông tin sau:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá: *(chi tiết tại Phụ lục I, II đính kèm).*

2. Hồ sơ báo giá

2.1. Nội dung báo giá

- Tên, nhãn hiệu sản phẩm, đơn vị tính, số lượng, đơn giá (đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao hàng..... tại Bệnh viện Quân y 103. Địa chỉ: số 261 đường Phùng Hưng, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội).

- Bảng báo giá kèm thông tin mô tả thông số kỹ thuật hàng hóa. Đơn vị cung cấp phải có cam kết bảo hành toàn bộ sản phẩm theo quy định của nhà sản xuất hoặc trong thời hạn sử dụng của hàng hóa.

2.2. Hồ sơ năng lực của nhà thầu

- Giấy đăng ký kinh doanh.

- Quyết định trúng thầu, Hợp đồng cung cấp hàng hóa về vật tư tiêu hao bảo đảm cho buồng điều trị theo yêu cầu mà đơn vị đã thực hiện *(nếu có)*.

- Giấy chứng nhận, bản công bố chất lượng sản phẩm hàng hóa.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Bắt đầu từ ngày ra thông báo đến hết ngày 18/9/2026.

4. Phương thức báo giá: Báo giá trực tiếp hoặc qua đường công văn, bưu điện.

5. Địa điểm nhận báo giá: Ban Quân nhu/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bệnh viện Quân y 103 (Nguyễn Văn Cao; SĐT: 0984638363). Địa chỉ: số 261 đường Phùng Hưng, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tài chính;
- Lưu: VT, HCKT. C04.



GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Lương Công Thức

Phụ lục I
NỘI DUNG MUA SẴM QUẦN ÁO CÔNG TÁC NĂM 2026
 (Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 14/9/2025 của Bệnh viện Quân y 103)

S TT	Danh mục hàng hóa	Đ VT	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Quần áo bác sỹ, dược sỹ nam, nữ (Quần, áo, mũ đồng bộ)	Bộ	1.114	- Chất liệu vải: Vải kaki chun 4 chiều hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: <i>Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm</i> - Màu sắc vải: Màu trắng - Kích thước: Đo may theo số đo từng người. - Kiểu dáng cơ bản: Theo TT 45/2015/TT-BYT ngày 20/11/2015 của Bộ Y tế. + Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, áo dài vừa trùm gối, phía trước có 3 túi, có đĩa cài biển tên ở ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, áo dài tay (độ dài tay áo đến cổ tay) hoặc ngắn tay (độ dài tay áo đến khủy tay); + Quần dài trùm qua mắt cá chân 1 cm (cách đất 2cm); rộng ống quần 19 -22 cm đối với nam, 17 - 19 cm đối với nữ tùy chiều cao, cân nặng người dùng. - In lô gô Bệnh viện; học hàm học vị, chức danh, họ và tên người sử dụng; chức vụ, đơn vị người sử dụng ở ngực phải. - 2 bộ/người (1 bộ ngắn tay, 1 bộ dài tay).
2	Quần áo điều dưỡng viên nam, nữ (Quần, áo, mũ đồng bộ)	Bộ	1.238	- Chất liệu vải: Vải kaki chun 4 chiều hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: <i>Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm</i> - Màu sắc vải: Màu trắng - Kích thước: Đo may theo số đo từng người. - Kiểu dáng: Theo TT 45/2015/TT-BYT ngày 20/11/2015 của Bộ Y tế + Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, áo dài vừa trùm hông, phía trước có 3 túi đối với nam, 2 túi đối với nữ; cổ áo, túi áo, tay áo có viền xanh dương rộng 0,5cm; có đĩa cài biển tên ở ngực trái, áo dài tay (độ dài tay áo đến cổ tay) hoặc ngắn tay (độ dài tay áo đến khủy tay); + Quần dài trùm qua mắt cá chân 1 cm; rộng ống quần 19-22 cm đối với nam, 17-19 cm đối với nữ tùy vào chiều cao, cân nặng người dùng. - In lô gô Bệnh viện; học hàm học vị, chức danh, họ và tên người sử dụng; chức vụ, đơn vị người sử dụng ở ngực phải. - 2 bộ/người (1 bộ ngắn tay, 1 bộ dài tay).

S TT	Danh mục hàng hóa	Đ VT	Số lượng	Thông số kỹ thuật
3	Quần áo kỹ thuật viên nam, nữ (Quần, áo, mũ đồng bộ)	Bộ	618	- Chất liệu vải: Vải kaki chun 4 chiều hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: <i>Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm</i> - Màu sắc vải: Màu trắng - Kích thước: Đo may theo số đo từng người đối với quần áo đo may. - Kiểu dáng: Theo TT 45/2015/TT-BYT ngày 20/11/2015 của Bộ Y tế + Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, áo dài vừa trùm hông, phía trước có 3 túi đối với nam, 2 túi đối với nữ; có đĩa cài biển tên ở ngực trái, áo dài tay (độ dài tay áo đến cổ tay) hoặc ngắn tay (độ dài tay áo đến khủy tay); + Quần dài trùm qua mắt cá chân 1cm; rộng ống quần 19-22 cm đối với nam, 17-19 cm đối với nữ tùy vào chiều cao, cân nặng người dùng. - In lô gô Bệnh viện; học hàm học vị, chức danh, họ và tên người sử dụng; chức vụ, đơn vị người sử dụng ở ngực phải - 2 bộ/người (1 bộ ngắn tay, 1 bộ dài tay).
4	Trang phục hộ lý, y công, nhân viên cấp phát đồ vải (Quần, áo, mũ đồng bộ)	Bộ	22	- Chất liệu vải: Vải Rayon (Visco) hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: <i>Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm</i> - Màu sắc vải: Màu xanh hòa bình - Kích thước: Đo may theo số đo từng người - Kiểu dáng: Theo TT 45/2015/TT-BYT ngày 20/11/2015 của Bộ Y tế + Áo cổ trái tim, áo dài ngang hông, phía trước có 3 túi, đĩa cài biển tên ở ngực trái, áo dài tay (độ dài tay áo đến cổ tay) hoặc ngắn tay (độ dài tay áo đến khủy tay); + Quần dài trùm qua mắt cá chân 1cm; rộng ống quần 19-22 cm đối với nam, 17-19 cm đối với nữ tùy vào chiều cao, cân nặng người dùng. - In lô gô Bệnh viện; học hàm học vị, chức danh, họ và tên người sử dụng; chức vụ, đơn vị người sử dụng ở ngực phải. - 2 bộ/người (1 bộ ngắn tay, 1 bộ dài tay).
5	Quần áo nhân viên kỹ thuật	Bộ	78	- Chất liệu vải: Vải Kaki hoặc tương đương - Tiêu chuẩn vải: <i>Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm</i> - Màu sắc vải: Màu xanh tím than



S TT	Danh mục hàng hóa	Đ VT	Số lượng	Thông số kỹ thuật
	nam (quần, áo)			- Kích thước: Đo may theo số đo từng người. - Kiểu dáng: Theo TT 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế. + Áo kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái, áo dài tay (độ dài tay áo đến cổ tay) hoặc ngắn tay (độ dài tay áo đến khủy tay); + Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. Quần dài trùm qua mắt cá chân 1 cm, rộng ống quần phù hợp tùy vào chiều cao, cân nặng người dùng. - In lô gô Bệnh viện; học hàm học vị, chức danh, họ và tên người sử dụng; chức vụ, đơn vị người sử dụng ở ngực phải. - 2 bộ/người (1 bộ ngắn tay, 1 bộ dài tay).

Tổng số: 05 khoản./.





TIÊU CHUẨN VẢI QUÂN Y CÔNG TÁC NĂM 2026

(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 14/9/2026 của Bệnh viện Quân y 103)

Loại vải	Tiêu chuẩn vải
Vải kaki chun 4 chiều hoặc tương đương	+ Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 hoặc tương đương; + Tỷ lệ thành phần nguyên liệu (%): Polyester (81±1,5)%, Rayon (14±1)%, Spandex (5±0,5%); tổng thành phần 100%; + Khối lượng tính bằng g/m²: 250-255 g/m²; + Mật độ sợi (tính bằng số sợi/10cm): Dọc: (487±5), ngang: (395±4); + Độ thoáng khí 125Pa (cm³/s/cm²): (3,8±0,2); + Độ dày (mm): (0,46±0,01); + Độ bền xé rách (N): Dọc: (132±2); ngang: (270±3); + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: (29,6/1±0,2); ngang: (242±3); + Độ bền màu giặt 40°C (cấp): 4-5; + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C(%): không quá ± 1% theo cả 2 chiều; + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không vượt quá giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn/quy chuẩn (K.p.h).
Vải Rayon (Visco) hoặc tương đương	+ Tỷ lệ thành phần nguyên liệu (%): Polyester (65,5±1)%, Rayon (34,5±1)%; tổng thành phần 100%; + Khối lượng tính bằng g/m²: 156-160 g/m²; + Mật độ sợi (tính bằng số sợi/10cm): Dọc: (300±3), ngang: (252±2); + Độ thoáng khí 125Pa (cm³/s/cm²): (23,4±0,1); + Độ dày (mm): (0,26±0,01); + Độ bền xé rách (N): Dọc: (127±1); ngang: (94±0,5); + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: (44,5/2±0,2); ngang: (48,1/2±0,2); + Độ bền màu giặt 40°C (cấp): 4-5; + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C(%): không quá ± 1% theo cả 2 chiều; + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không vượt quá giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn/quy chuẩn (K.p.h).
Vải kaki hoặc tương đương	- Tiêu chuẩn vải: + Tỷ lệ thành phần nguyên liệu (%): Polyester (65,5±1)%, Bông (34,5±1)%; tổng thành phần 100%; + Khối lượng tính bằng g/m²: 197±2; + Mật độ sợi (tính bằng số sợi/10cm): Dọc: 432±3, ngang: 200±2; + Độ thoáng khí 125Pa (cm³/s/cm²): (12,9±0,1);

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">+ Độ dày (mm): $(0,35 \pm 0,01)$;+ Độ bền xé rách (N): Dọc: 154 ± 1; ngang: $57,5 \pm 0,5$;+ Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: $(19,8/2 \pm 0,1)$; ngang: $(20,1/2 \pm 0,1)$;+ Độ bền màu giặt 40°C (cấp): 4-5;+ Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô $40^{\circ}\text{C}(\%)$: Dọc: $-1,0 \pm 0,2$, ngang: $0 \pm 0,2$;+ Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): Không vượt quá giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn/quy chuẩn (K.p.h). |
|--|---|

